

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy;

Bà Võ Kiều Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1985; Cư trú ấp R, xã H, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1986; Cư trú ấp R, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Th trình bày yêu cầu:

Năm 2003 bà Th và ông Lê Văn M thành hôn, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M không lo làm ăn, thường hay đi nhậu, về nhà còn đánh đập bà Th nhiều lần. Xét thấy hết tình cảm nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 04 người con tên Lê Thị Thanh Ch, sinh ngày 03/8/2004 (nữ); Lê Thị M1, sinh ngày 29/3/2007 (nữ); Lê Ngọc D, sinh ngày 05/6/2009 (nữ); Lê Tuyết L, sinh ngày 07/5/2012 (nữ).

Khi ly hôn, con chung xét nguyện vọng các cháu muốn sống chung với ai người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ khai và đơn xin vắng mặt ngày 21/12/2021, bị đơn ông Lê Văn M trình bày ý kiến:

Về hôn nhân đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đồng ý để bà Th tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Th, bị đơn Lê Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh Th và ông Lê Văn M thành hôn vào năm 2003, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H – huyện N – tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/2004, ngày 06 tháng 7 năm 2004 của UBND xã H, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, bà Th yêu cầu ly hôn, ông M đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận về thuận tình ly hôn của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Tuy nhiên, do các đương sự xin vắng mặt tại khi xét xử nên Hội đồng xét xử không ghi nhận thuận tình ly hôn mà cho các đương sự ly hôn theo yêu cầu của một bên là phù hợp.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 04 người con chung là Lê Thị Thanh Ch, sinh ngày 03/8/2004 (nữ); Lê Thị M1, sinh ngày 29/3/2007 (nữ); Lê Ngọc D, sinh ngày 05/6/2009 (nữ); Lê Tuyết L, sinh ngày 07/5/2012 (nữ), hiện nay các cháu sống chung với bà Th. Các đương sự thống nhất xét nguyện vọng của con sau khi ly hôn, các cháu sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp, các cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu; giao các cháu Ch, M1, D, L cho bà Th tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ Th không giá ngạch bà Th phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Th về việc xin ly hôn với ông Lê Văn M.

Bà Nguyễn Thanh Th được ly hôn với ông Lê Văn M.

- Về con chung: Giao các cháu là Lê Thị Thanh Ch, sinh ngày 03/8/2004 (nữ); Lê Thị M, sinh ngày 29/3/2007 (nữ); Lê Ngọc D, sinh ngày 05/6/2009 (nữ); Lê Tuyết L, sinh ngày 07/5/2012 (nữ), cho bà Nguyễn Thanh Th tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ Th không có giá ngạch 300.000 đồng bà Th phải chịu, bà có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007710 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí bà Th đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã H, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính